

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH N**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2017/HSST

Ngày: 08/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thái Thị Kim Vân- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận phường Đ.

- Ông Trần Hoàng Liên- Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh thành phố P.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên toà: Ông Từ Sỹ Trần Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại Trung tâm học tập cộng đồng phường B., mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN Q. sinh ngày: 05 tháng 12 năm 1981 tại Q. Nơi ĐKNKTT: thôn A., xã Đ., huyện M., tỉnh Q. Chỗ ở hiện nay: đường P., xã B., huyện H., thành phố H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 8/12. Con ông Phạm Văn A. và bà Trần Thị P. Vợ: Nguyễn Thị Y. và 02 con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30/9/2008, Tòa án nhân dân quận T. (thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số 259/2008/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013, bị cáo nộp

án phí 50.000 đồng của bản án này vào ngày 19/5/2009 theo Biên lai thu số 40798 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Tạm giam: 31/3/2017. Hiện bị cáo tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại*: Bà Nguyễn Thị T. M., sinh năm: 1965, trú: đường T., khu phố 6 phường Đ, thành phố P (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Trần Văn Q. bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P. truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối năm 2015, Trần Văn Q. vào thành phố H. làm thuê nên quen biết với một người tên Tr. (*Không rõ nhân thân lai lịch*) nhà ở Tp. Hồ Chí Minh. Đến cuối năm 2016, Tr. nói với Q. dùng giấy tờ giả để cầm xe cho Tr. bằng cách làm giấy tờ giả mang tên Q., Q. đồng ý và đưa 04 tấm ảnh hình 2x3 của mình cho Tr. làm giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh nhân dân giả (*Nghĩa là hình ảnh của Q. nhưng tên và địa chỉ của người khác*). Khoảng 03 ngày sau, Tý đưa cho Q. 01 chứng minh nhân dân giả, có số: 264410028; 01 giấy đăng ký xe mô tô giả hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 85B1- 442.34, màu đỏ đen, số máy: JF46E0012081, số khung: 4608DY012034, đều mang tên Lưu Quốc T., sinh ngày 10/08/1980, có hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường B., thành phố P. nhưng dán hình 2x3 của Q. vào chứng minh nhân dân và 01 chiếc xe mô tô giống và trùng khớp như giấy đăng ký xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân giả nêu ở trên. Tý nói Q. đem xe ra thành phố P., tỉnh N., sẽ có một người tên T. (*Không rõ họ tên, địa chỉ*) ra đón và hướng dẫn đem xe đến lừa chủ tiệm cầm đồ. Ngày 26/10/2016, Q. đến địa bàn thành phố Phan Rang- Tháp Chàm gặp T. và được T. chỉ dẫn đến Tiệm cầm đồ M., gần ngã ba A., thuộc phường Đ., thành phố P. Tại đây, Q. gặp bà Nguyễn Thị T. M., sinh năm 1966, là *chủ Tiệm cầm đồ M.*, Q. sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả và giấy đăng ký xe mô tô giả đưa cho bà M. để cầm chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên. Sau khi xem giấy tờ và xe mô tô xong, bà M. đồng ý cầm chiếc xe, với giá: 25.000.000 đồng. Bà M. xin số điện thoại để liên lạc thì được Q. cho số: 01644.911.457 nhưng khi bà M. sử dụng số điện thoại này gọi cho Q. thì

không liên lạc được. Sau khi lấy được số tiền: 25.000.000 đồng của bà M., Q. đưa cho T. 23.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng, Q. giữ để tiêu xài cá nhân, sau đó T. chở Q. đi đón xe để vào lại Thành phố H.

Khi vào đến Thành phố Hồ Chí Minh, Tr. tiếp tục giao cho Q. 01 chứng minh nhân dân giả, có số: 264410026; 01 giấy đăng ký xe mô tô giả hiệu Exciter, biển kiểm soát 85C1- 181.16, màu xanh xám, số máy: G3D4E015420, số khung: 0610FY015410, đều mang tên Nguyễn Văn L., sinh ngày 22/8/1981, có hộ khẩu thường trú: Thôn H., xã M., huyện N., tỉnh N. nhưng dán hình 2x3 của Q. vào chứng minh nhân dân và 01 chiếc xe mô tô giống và trùng khớp như giấy đăng ký xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân giả nêu ở trên, đem đến địa bàn thành phố P. để gặp T. *(Không rõ họ tên, địa chỉ)* để lừa chủ tiệm cầm đồ và được Q. đồng ý. Ngày 28/10/2016, bằng thủ đoạn nêu trên Q. đem 01 xe mô tô hiệu Exciter đến Tiệm cầm đồ T.H., thuộc phường M., thành phố P. để cầm cố nhưng bị anh Phan Gia T., sinh năm 1976, trú tại: Khu phố 5, phường K., thành phố P. *(Là chủ tiệm cầm đồ)* phát hiện ra giấy tờ giả nên đã trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P. Do giữa Q. và anh T. chưa thực hiện giao nhận tiền nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý. Đến ngày 31/3/2017, Trần Văn Q. tự nguyện đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P. để trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận giám định số: 46, ngày 09/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh N. kết luận:

- Hình dấu tròn trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002555, mang tên Lưu Quốc T. so với hình dấu tròn thu thập tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N. không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn trên giấy chứng minh nhân dân số 264410028, cấp ngày 17/12/2013 tại Công an tỉnh N. mang tên Lưu Quốc T. so với hình dấu tròn thu thập tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh N. không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Kết luận giám định số: 54, ngày 16/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC54) Công an tỉnh N. kết luận:

- Hình dấu tròn trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0020502, mang tên Nguyễn Văn L. so với hình dấu tròn thu thập tại đội Cảnh sát giao thông Công an huyện N. không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn trên giấy chứng minh nhân dân số 264410026, cấp ngày 16/12/2013 tại Công an tỉnh N. mang tên Nguyễn Văn L. so với hình dấu tròn thu thập tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh N. không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Cáo trạng số 60/QĐ-KSĐT ngày 05/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P. đã truy tố Trần Văn Q. về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Trần Văn Q. thừa nhận: bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo bà Nguyễn Thị T. M. 25.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cáo trạng số 60/QĐ-KSĐT ngày 05/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P. đã truy tố Trần Văn Q. về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn dân cư. Bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, xử phạt giam bị cáo với hình phạt thích đáng nhằm răn đe giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm cần nhắc xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã

trả cho bà M. 15.451.000 đồng, bị cáo ra trình diện và tự nguyện khai báo về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 4.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng 24k, có trọng lượng 04 chỉ 06 phân 04 ly, được xác định là tài sản riêng của Trần Văn Q. không liên quan đến vụ án. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T. M. yêu cầu Trần Văn Q. phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 25.000.000 đồng, Q. đồng ý bồi thường và sử dụng toàn bộ tài sản đã thu giữ của Q. để khắc phục bồi thường cho bà M. nên Cơ quan điều tra tiến hành đem 01 chiếc nhẫn vàng 24k, có trọng lượng 04 chỉ 06 phân 04 ly để quy đổi thành tiền tại Tiệm vàng B. được số tiền: 15.451.000 đồng. Sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành giao trả toàn bộ số tiền của Q. là: 19.451.000 đồng cho bà M., số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường là: 5.549.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà M. 5.549.000 đồng, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Quá trình điều tra, đã thu giữ vật chứng của vụ án, gồm:

01 (Một) chứng minh nhân dân, có số: 264410028 cấp ngày 17/12/2013; 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát: 85B1- 442.34, màu đỏ đen, số máy: JF46E0012081, số khung: 4608DY012034 cấp ngày 06/12/2013, đều mang tên Lưu Quốc T., được xác định là giấy tờ giả; 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 85B1- 442.34, màu đỏ đen, số máy: JF46E0012081, số khung: 4608DY012034, được xác định là tài sản của anh Bùi Trường S., địa chỉ: 124 đường S., Phường X, Quận Y, Thành phố H, có biển kiểm soát thật là: 59F1- 404.V. Cơ quan điều tra đã ban hành Công văn thông báo cho Công an quận Y, thành phố H. biết để phối hợp điều tra theo quy định của pháp luật nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, là có cơ sở;

01(Một) chứng minh nhân dân giả, có số: 264410026 cấp ngày 16/12/2013; 01 giấy đăng ký xe mô tô giả hiệu Exciter, biển kiểm soát: 85C1- 181.16, màu xanh xám, số máy: G3D4E015420, số khung: 0610FY015410 cấp ngày 25/02/2015, đều mang tên Nguyễn Văn L., được xác định là giấy tờ giả; 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát: 85C1- 181.16 màu xanh xám, số máy: G3D4E015XXX, số khung: 0610FY015YYY, được xác định là tài sản của anh Bùi Mạnh L., sinh năm 1986, có hộ khẩu thường trú: Thôn Đ., xã X., huyện K., thành phố M., có biển kiểm soát

thật là: 15F- 177.Z . Chiếc xe này, bị mất trộm vào ngày 17/5/2015, tại xã N., thị xã T., tỉnh B. nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P. đã tiến hành bàn giao chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T., tỉnh B. để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi thực hiện tại Tiệm cầm đồ T. H., Trần Văn Q. đã bị anh Phan Gia T. (*Chủ tiệm cầm đồ*) phát hiện ra giấy tờ giả nên Q. chưa thực hiện hành vi lừa đảo nên Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q., là có cơ sở;

Ngoài ra, Trần Văn Q. còn khai nhận: Khoảng cuối năm 2016, cũng bằng thủ đoạn nêu trên, Q. đem 01 chiếc xe mô tô SH Mode đến tiệm cầm đồ H., ở ngã ba L., thuộc xã A., huyện N. P., tỉnh N., để cầm cố với giá: 35.000.000 đồng, Q. hưởng lợi 2.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P. đã ra thông báo gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N. P. để điều tra, xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, Cơ quan điều tra chưa xác định được người tên Tr. và T. là ai, ở đâu nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn Q. Cơ quan điều tra, sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Q. phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 139, điểm b, o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: *Bị cáo Trần Văn Q. 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.*

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 584, điều 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và người bị hại:

Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị T. M. 5.549.000 đồng (*năm triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADS TP P.;
- VKSND TP.P;
- Công an tp. P;
- Sở Tư pháp tỉnh N.;
- Lưu HS+ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghiệp

Phạm Thị Thanh Tâm

Ninh Thị Kiều Hạnh

cùng với Lê Nhựt Nhứt Tâm trộm cắp 01 chiếc xe máy trị giá 16.800.000 đồng. Cụ thể: bị cáo là người trực tiếp dùng vạm phá khóa phá khóa xe và điều khiển xe chạy về Bình Dương để tiêu thụ, còn Tâm là người canh giữ cảnh giới tạo điều kiện cho bị cáo trộm cắp xe.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2011, Lê Văn Thái khai: “khi vừa xuống xe thì tôi thấy xe sirius BKS 85V4- 9327 dựng ở trên vỉa hè không có người trông coi nên tôi lại ngồi trên xe và dùng vạm phá khóa mang theo phá khóa và chạy xe đi...theo hướng đường 21/8 đi cầu Đạo Long 1 rồi đi Bình Dương”.

“khi xuống đến ngã 5 Phủ Hà, tôi và Tâm gặp nhau lúc tôi đang đứng ạt vị trí xe 85V4- 9327 nên tôi nói Tâm đi tiếp, còn tôi lấy xe, lúc này Tâm không trả lời tôi, tôi ko biết Tâm có nghe hay không”

“tôi xuống xe buýt đến vị trí để xe BKS 85V4- 9372 khoảng 2m, tôi thấy Tâm đi từ ngã 5 xuống cách tôi khoảng 8-10 m. sau đó tôi đi ngược lại hướng ngã 5 để đến vị trí xe BKS 85V4- 9372”.

“sau khi lấy xe, tôi chạy xe dưới lòng đường còn Tâm đi trên vỉa hè, tôi chạy xe qua và nói “mày ở nhà đi”, tôi không biết Tâm có nghe tôi nói không lúc đó tôi đi vào Bình Dương. Sau đó tâm có điện thoại cho tôi hỏi “chạy đi đâu mà chạy dữ vậy?”, tôi trả lời “mày ở nhà, tao đi Bình Dương”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2011, Thái khai: “”Tâm rủ xuống PR trộm xe nên tôi bắt xe buýt từ Sông Pha về ngã 5 PR. Lúc tôi xuống xe thì Tâm đang ở ngã 5 đợi tôi. Chúng tôi gặp nhau và đi bộ xuống đường 21/8 thì tôi phát hiện một xe Sirius màu đen bạc đang dựng trước tiệm hớt tóc, bên cạnh tiệm nhôm kính , nên tôi nói Tâm đi tiếp và canh người còn tôi đi lại chiếc xe, dùng vạm pha 1khoa1 , lấy xe, chạy lại chỗ Tâm nói Tâm ở nhà để tôi một mình vào Bình Dương bán xe. Sau đó tôi điều khiển xe chạy thẳng đường 21/8 qua cầu Đạo Long 1 để vào Bình Dương bán xe.”

Ngày 21/12/2011, Thái khai: “tôi xuống xe buýt thì Tâm đi lại đón tôi, sau đó 2 người cùng đi bộ xuống đường 21/8 thì thấy xe Sirius, nên tôi nói Tâm canh người sau đó tôi đi lại xe dùng vạm pha 1khoa1 mang theo phá ổ khóa xe, rồi chạy về hướng cầu Đạo Long 1, khi chạy qua Tâm tôi nói Tâm ở nhà còn tôi chạy xe vào Bình Dương”.

Tuy nhiên, Lê Nhựt Nhứt Tâm không thừa nhận việc cùng với bị cáo trộm cắp xe. Qua các lời khai tại biên bản lấy lời khai cũng như biên bản đối chất giữa bị cáo và Tâm, xét thấy: khi Tâm đang có mặt tại quán cà phê cách nơi đỗ xe buýt 150m , Tâm thấy có một chiếc xe buýt chạy ngang nên Tâm đi theo để xem có Thái không, Tâm thấy Thái xuống cùng 3-4 người nữa. Cách vị trí của Thái khoảng 8m-10m, Tâm đã thấy Thái mở vạm phá khóa xe máy 85V4- 9372 (xe dựng trước tiệm hớt tóc Văn Lại tại khu phố 1 phường Phủ Hà) và leo lên xe chạy đi theo hướng đường 21/8, qua cầu Đạo Long 1, Tâm thấy toàn bộ hành vi trộm cắp xe của Thái, nhưng không tham gia vào việc cảnh giới để bị cáo trộm cắp xe.

Như vậy mặc dù bị cáo Lê Văn Thái khai đã cùng Lê Nhựt Nhứt Tâm trộm cắp chiếc xe máy 85V4- 9372, tuy nhiên không đủ chứng cứ chứng minh có đồng phạm trong

vụ việc, nên việc cơ quan điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát không truy tố Lê Nhựt Nhứt Tâm là có căn cứ.